



NÚI TÀN VIÊN VÀ TÀN VIÊN SƠN THÁNH QUA THƯ TỊCH CỔ

THS. PHẠM VĂN ANH*

Núi Tàn Viên (Ba Vi) và thần núi Tàn Viên là địa bàn quan trọng có quan hệ trực tiếp với Phong Châu cùng tín ngưỡng của người Việt - Mường cổ, do vậy đã được các thư tịch cổ ghi nhận rất sớm, tiêu biểu có thể kể đến các sách: *Việt điện u linh*, *Linh Nam chí quái*, *Việt sử lược*, *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Dư địa chí*, *Kiến văn tiểu lục*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, v.v. Trong các tư liệu từ thời Trần về trước, nếu *An Nam chí lược* của Lê Tắc, quyển thứ nhất, khi ghi về các ngọn núi quan trọng ở nước ta có nhắc đến núi Tàn Viên với thông tin hết sức sơ lược mang tính chất mô tả: "Núi Tàn Viên: hình núi như cái tán", còn *Đại Việt sử lược* (tác giả khuyết danh thời Trần) cũng nhắc đến núi Tàn Viên song chỉ một lần duy nhất, đó là phần chép về năm Thần Vũ thứ 2 (1072), mùa thu, tháng Bẩy: "Té núi Tàn Viên", thì các sách *Việt điện u linh* và *Linh Nam chí quái* lại lưu giữ được nhiều thông tin rất quan trọng.

Việt điện u linh hay *Việt điện u linh tập lục* của Lí Tế Xuyên¹, ở phần thứ ba "Hạo khí anh linh" có mục "Tàn Viên hựu thánh - Khuông quốc - Hiến ứng vương", cho biết:

"Theo Giao Châu kí của Tăng công, vương là Sơn Tinh, trước kết bạn thân với Thủy Tinh; ân cư trong động núi Gia Ninh ở Phong Châu. Thời Chu Noan Vương, nước Việt ta gọi là Văn Lang, hiệu của vua là Hùng Vương. Vua có người con gái tên là Mị Nương, nhan sắc nức tiếng gần xa. Vua nước Thục là Phán sai sứ mang lễ đến cầu hôn, đức vua ưng thuận, nhưng đại thần là Lạc hầu can ngăn cho

rằng, Thục Phán cầu hôn cốt có ý dòm ngó nước ta, khuyên vua tìm người hiền tài để kén làm rể. Vua theo lời, tìm được vương và Thủy Tinh. Vương có thể đi xuyên qua đất đá, Thủy Tinh thì có thể đi vào nước lữa, chẳng có gì can trở được. Hai người thù tài với nhau, bắt phân thắng bại. Vương nói với Thủy Tinh: Chúng ta người nào cũng có thuật lạ, may mắn được quân vương để mắt trọng vọng, mỗi người nên về lấy san vật trong quận để làm lễ tạ. Thủy Tinh thật lòng tin ngay. Vương trở về núi, ngay đêm ấy lo chuẩn bị các thứ thổ san như vàng bạc, ngọc thạch, sừng tê, ngà voi, cùng các loại chim thú, mỗi thứ cả trăm; trời vừa rạng sáng đã mang đến bày trước sân chầu. Hùng Vương nhận thấy lễ hậu nên thuận gả Mị Nương. Cưới xong, vương đưa Mị Nương về ẩn ở động Lôi Sơn. Thủy Tinh đến sau, cũng mang dâng các loại thủy san, vật hiếm của lạ, cá kính, cá ghê, mỗi thứ có đến cả trăm. Hùng Vương cho triệu Mị Nương ra làm lễ, nhưng chẳng biết nạng ở đâu. Thủy Tinh ca giận, đem quân tướng đuổi theo, định phá tan Lôi Sơn. Vương tìm nơi cao dờn chỗ ở, chọn được đỉnh núi Tàn Viên, dựa thế núi cao ở lại đây, thành kẻ thù với Thủy Tinh, cùng đeo đuổi đánh phá nhau vì oán hận mãi không thôi. Hàng năm, Thủy Tinh xuống theo nước mùa thu tiến đánh núi Tàn Viên. Dân di bạo nhau kết rào dựng cọc giúp vương chống Thủy Tinh. Công tích của thần rất nhiều, không thể ghi chép hết được".

Thời Trần, vì có âm công phù trợ, năm Trưng Hưng thứ nhất (1285), vương được sắc phong thần là Hựu Thánh vương; năm thứ tư (1288) gia phong hai chữ khuông quốc; năm Hưng Long thứ hai mươi

* Viện Văn học

một (1313), thêm hai chữ hiển ứng.

Sách *Linh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, người đời Trần có truyện về núi Tân Viên (Tân Viên sơn truyện), cho biết: Núi Tân Viên nằm ở phía Tây kinh đô nước Nam Việt. Núi ấy cao chót vót, đỉnh tròn như lọng nên có tên như thế. Vương là con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, là một trong số 50 người con theo cha xuống biển. Sau, vương từ biển theo cửa biển Thần Phù ngược lên, đến Long Đỗ, thành Long Biên, định ở lại nhưng vẫn chưa thấy thực vậy, lại ngược lên theo dòng sông Lô, thấy núi Tân Viên "sừng sững trắng lệt, ba đỉnh đứng dàn hàng, cao vút như trong bức họa", liền "lên tận đầu ngọn Vân Mộng mới lấy đó làm nơi cư ngụ". Vương từng đi du ngoạn ở sông Tiêu Tích để xem đánh cá, qua thôn ấp nào cũng dựng điện gác làm chỗ nghỉ ngơi. "Người đời sau nhân các di tích ấy bèn lập đền thờ phụng, khi hạn hán thì cầu đảo, mưa lũ thì cúng, để ngăn ngừa những tai họa lớn, để chống đỡ những hoạn nạn to, hiệu nghiệm thấy ngay, hết sức linh ứng". Đời Đường, Cao Biền từng dùng thuật trấn yểm song chi thấy vương "cưỡi ngựa trắng trên chòm mây, phi nhỏ rồi bỏ đi". Cao Biền vì thế than rằng: "Khí thiêng của phương Nam thật khôn lường. Vương khí của đất này làm sao mà tuyệt diệt được". Cuối truyện ghi truyền thuyết vương và Thủy Tinh đua tài lấy vợ, tương đối giống với ghi chép trong *Việt điện u linh*.

Về xuất thân của thần, *Linh Nam chích quái* cho thần là con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, là một trong số 50 người con theo cha xuống biển, tức là một trong số một trăm con ra đời từ trứng qua trứng, là một sự xuất thân đầy màu sắc mẫu hệ và "lộ dáng con người", chính vì thế, ngay ở thế kỉ XV, khi tiến hành tu chỉnh *Linh Nam chích quái*, Kiều Phú (1446 - ?) từng viện dẫn đến quan niệm về "khí hạo nhiên" của Mạnh Tử để giải thích, ý muốn dịch chuyển vị thần này về dạng nhiên thần, với tính chất là tinh anh của núi, là thứ khí thiêng của non sông như *Việt điện u linh* đã ghi chép. Theo lẽ thường, nếu thần là một trong những người con theo cha về biển, mang đầy yếu tố "nước", sao còn ngược dòng lên núi? Có thể vì truyền thuyết về cuộc chiến giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh được lưu truyền lâu dài nên chính vị thần núi Sơn Tinh cũng ít nhiều bị "thấm nước"? Nhưng "sự thấm" ấy không triệt để, bởi chính *Linh Nam chích quái* khi nhắc việc Cao Biền trấn yểm bắt thành (chi tiết này khá giống với việc họ Cao từng trấn yểm thần sông Tô Lịch), từng than thở, coi thần là "khí thiêng của phương

Nam" (Nam phương linh khí), rồi cuối truyện, sách này rút cục trở lại với câu chuyện về truyền thuyết cuộc chiến Sơn Tinh - Thủy Tinh, hoàn nguyên vị thần núi Tân Viên trở lại là tinh anh của núi, đối lập với Thủy Tinh là tinh của nước. Do Âu Cơ dẫn 50 con lên núi, Sơn Tinh là một trong số 50 con theo cha về miền biển, nhưng rồi lại ngược dòng lên non, nên đó cũng có thể hiểu là một kiểu hồi quy "nguyên lí mẹ" - một nguyên lí đặc biệt quan trọng trong cội nguồn văn hóa Việt*.

Nếu "Sư kí của Đổ Thiện thời Lý dẫn theo *Giao Chi kí* cho biết, thần Cao Lô có "tục hiệu" là Đổ Lô, hoặc rõ hơn là thần đá (thạch thần). Tục hiệu sau xác định nguồn gốc và tính chất của thần. Lấp lánh sau danh hiệu Hán hóa là nội dung ban địa chỉ khuôn mặt thần: lù lù cao lớn (Cao Lô), lù lù đẹp đẽ (Đổ Lô). Đến khi người ta bớt lưu ý đến hình dạng, tính chất nguyên thủy của thần thì các tước phong các năm 1285, 1288 đề chỉ nội dung đức tính gắn cho thần cũng vương vấy ý nghĩa đá: cúng coi (qua nghi), cúng thẳng (cương chính)² thì với thần núi Tân Viên, *Việt điện u linh* ngay từ đầu đã coi đây là thần núi và sự ghi chép trong sách rất thống nhất về yếu tố "núi" này; như nói về tài của thần thì "vương có thể đi xuyên qua đất đá", nói về lễ vật thì "vương trở về núi, ngay đêm ấy lo chuẩn bị các thứ thô sản, như vàng bạc, ngọc thạch, sừng tê, ngà voi, cùng các loại chim thú, mỗi thứ cả trăm", và khi giao chiến với Thủy Tinh thì cũng dựa vào thế núi cao để kháng cự. Hiên nhiên, qua *Việt điện u linh* và *Linh Nam chích quái*, Sơn Tinh, hay vị thần ở núi Tân Viên là nhiên thần, cụ thể hơn đó là sơn thần - một vị thần núi.

Theo các sách trên, núi Tân Viên ở phía Tây kinh đô Nam Việt, đỉnh tròn như chiếc tán, sừng sững trắng lệt, ba đỉnh đứng dàn hàng, cao vút như trong bức họa, đỉnh cao nhất của núi này, thần Sơn Tinh lấy làm nơi cư ngụ được gọi là Vân Mộng. Vân Mộng theo đó, dường như là tên gọi rất cổ của núi Tân Viên. Tuy xuất thân của thần có khác biệt, tuy có nói đến núi Tân với "ba đỉnh đứng dàn hàng" song, theo các ghi chép trên, thần núi Tân Viên vốn chỉ có một, là duy nhất, cũng không thấy nhắc họ tên cụ thể. Điều này phân biệt với các tư liệu về sau coi thần Tân Viên gồm ba vị, mang họ tên hết người thế tục, có thể đó là một thứ quan niệm xuất phát từ sự thực rằng, núi Tân có ba ngọn, hoặc gia anh xạ từ quan niệm tam thế, tam thân của Phật giáo; nhưng khi nói đến Tứ bất tử, tức bốn bậc linh thần tối cao trong tâm thức dân gian, thì vẫn thống nhất là "ba



trong một", tuy một vị vị thần trong Tứ bất tử đòi khi biến động, song, Tan Viên sơn thánh thì luôn có mặt và đứng đầu bộ tứ đó. Qua khảo sát thực tế thờ tự Tan Viên sơn thánh ở nhiều địa phương cùng hệ thống thần tích, sắc phong hiện còn, có thể thấy, chỉ ít từ thời Lê Trung hưng trở đi, Tan Viên sơn thánh được thờ ở rất nhiều nơi, đa số thờ tam vị, với nhiều biến thức hết sức phức tạp. Tuy nhiên, từ chi tiết trên cho thấy, các di tích thờ thánh Tan hiện nay, một số trong các di tích chỉ thờ một vị thánh Tan duy nhất có thể là dấu vết bảo lưu được từ truyền thống cổ xưa.

Về việc thờ cúng thần núi Tan Viên, *Việt điện u linh* khi viết về thần đã dẫn sách *Giao châu kí* của Tăng công. Theo ghi chép trong *Việt sử lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục*, v.v. Tăng công tức Tăng Côn, từng làm Tiết độ sứ Giao châu ở thế kỉ thứ IX, cho thấy, truyền thuyết về thần Sơn Tinh và việc thờ thần đã có từ rất lâu đời. Sách này còn ghi nhận ba lần triều đình nhà Trần sắc phong cho thần vị có công âm phù, cuối cùng ghi một bài thơ đề của Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Hóa làm, nhân dịp hộ giá nhà vua đi chinh chiến ở phía Tây. Thơ rằng:

"Sơn tự cao thiên, thần nhạc linh,
Tâm hương tài khẩu dĩ văn thanh.
Mị Nương diệc hữu uy nghi gia,
Tha vị thư sinh bao thư hạnh".

(Thần núi linh thiêng, đỉnh chạm mây/Tâm hương cúi khấn thấu cao dày/Mị Nương nếu qua uy linh thực/Xin giúp thư sinh vẹn chuyến này)³.

Nguyễn Hóa, sách *Linh Nam chí quái* và *Toàn Việt thi lục* đều ghi thống nhất là Nguyễn Sĩ Cốc, danh sĩ cuối thế kỉ XIII, đầu thế kỉ XIV.

Thêm vào đó là chi tiết như *Linh Nam chí quái* đã ghi: Vương từng đi du ngoạn ở sông Tiểu Tích để xem đánh cá, qua thôn ấp nào cũng dựng điện gác làm chỗ nghỉ ngơi. "Người đời sau nhân các di tích ấy bèn lập đền thờ phụng, khi hạn hán thì cầu đảo, mưa lũ thì cúng, để ngăn ngừa những tai họa lớn, để chống đỡ những hoạn nạn to, hiệu nghiệm thấy ngay, hết sức linh ứng".

Sông Tiểu Tích có lẽ chính là sông Tích ngày nay, hiện ở khu vực này còn lưu truyền lễ hội đánh cá sông để tế thần Tan Viên.

Các chi tiết nêu trên cho thấy một cách rõ ràng, muộn nhất là vào thời Trần, Tan Viên sơn thánh được coi là vị thần hết sức linh ứng và đã được thờ tự một cách phổ biến ở khu vực xứ Đoài. Chẳng những thế, ghi chép trong *Đại Việt sử kí toàn thư* còn

giúp đẩy niên đại trên về muộn nhất là khoảng đầu thời Lý, đồng thời cho biết vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của thần núi Tan Viên không chỉ trong tâm thức dân gian mà còn đối với triều đình trung ương. *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên thời Lê nhiều lần nhắc đến các sự kiện liên quan đến núi Tan Viên, đáng chú ý là các sự kiện sau:

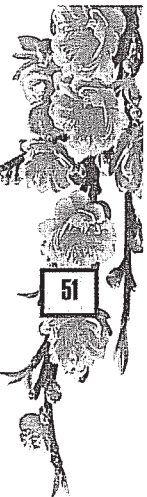
Phần "Ngoại kì", sau khi dẫn theo tài liệu cũ về truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh có ghi: "Núi Tan Viên là dãy núi cao của nước Việt ta, sự linh thiêng rất ứng nghiệm".

Phần ghi về Hoàng đế Lý Anh Tông có viết: Năm Ất Sửu, Đại Định năm thứ 6 (1145), (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 15), "mùa thu, tháng Bảy, dựng đền thần núi Tan Viên và các đền Bồ Cai, Ông Nghiêm, Ông Mẫu".

Phần ghi về Lê Nhân Tông có viết, năm Kỷ Tỵ, Thái Hòa năm thứ 7 (1449), (Minh Chính Thống năm thứ 4), "tháng ấy bị hạn, vua thân đến cung Cảnh Linh làm lễ cầu mưa, sai Tham tri Bùi Cẩm Hồ, Lễ bộ Lang trung Nguyễn Cảnh đi cầu đảo ở núi Tan Viên và Tam Đảo đều không ứng nghiệm".

Xem đó có thể biết, từ thời Lý đến triều Lê, núi Tan và uy linh của vị sơn thần ở đây chiếm một vị trí đặc biệt đối với triều đình trung ương. Địa vị đó cao hơn hẳn Hùng Vương, vì các tài liệu thời Lý - Trần về trước cho thấy, việc cúng tế thần Tan Viên được coi như quốc tế mà không hề nói gì đến việc thờ Hùng Vương.

Không dừng lại ở đó, *Đại Việt sử kí toàn thư* còn cho biết, uy danh của Thánh Tan đã vượt ra khỏi biên giới nước ta. Phần ghi về hoàng đế Trần Nghệ Tông viết: năm Canh Tuất, Thiệu Khánh năm thứ 1 (1370), (từ tháng 10 trở về trước là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 2, Minh Hồng Vũ năm thứ 3), "mùa xuân, tháng Giêng, vua nhà Minh tự làm bài chúc văn, sai Diêm Nguyên Phục, đạo sĩ cung Triều Thiên, đem lễ trâu và lụa đến tế thần núi Tan Viên và các thủy thần sông Lô". Và, điều này được *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn tái khẳng định tuy không nói rõ đó là núi Tan Viên: "Canh Tuất, Trần Nghệ Tông hoàng đế, năm Thiệu Khánh thứ 1 (1370) (từ tháng 10 trở về trước, thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 2. Nhà Minh, năm Hồng Vũ thứ 3), tháng Giêng, mùa xuân, nhà Minh sai sứ sang ta, tế các thần núi sông. Trước kia, bấy tôi thuộc Lê bộ nhà Minh xin đem các thần núi sông ở nước ta phụ tế vào đàn Nhạc Độc⁴, vua Minh y theo. Đến đây, vua Minh sai đạo sĩ ở cung Triều Thiên là Diêm Nguyên Phục



52 kính đem bài văn ngự chế sang tế các thần núi, sông”.

Với vị trí là “núi tổ của nước ta” (Nguyễn Trai: *Dư địa chí*), “trần sơn của một nước” (Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*), nơi linh thiêng “cấm địa”⁵ nên *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi mấy sự kiện sau:

Phản ghi về Lê Hiến Tông chép: năm Quý Hợi, Cảnh Thống năm thứ 6 (1503), (Minh Hoàng Trị năm thứ 16), “năm nay, trước thì đại hạn, sau lại nước to, núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị lở”.

Phản chép về Lê Kính Tông cho biết: “Tân Hợi, Hoàng Định năm thứ 12 (1611), (Minh Vạn Lịch năm thứ 39), mùa đông, tháng Mười, ngày 16, núi Tản Viên bị lở đến hơn 12 trượng. Ngày 18, ở huyện Yên Việt, trời mưa máu suốt một ngày, một đêm”.

Phản ghi về Lê Kính Tông: Năm Tân Hợi, Hoàng Định năm thứ 12 (1611), (Minh Vạn Lịch năm thứ 39), “tháng Mười, ngày mồng 6, núi Tản Viên bị sạt lở 12 trượng”.

Việc núi Tản Viên sạt lở được ghi vào chính sử, coi đó là điềm bất thường, báo trước những tai dị, ảnh hưởng đến sự tồn vong của triều đại... càng cho thấy địa vị đặc biệt của núi Tản Viên và Tản Viên sơn thánh. Tạ Chí Đại Trường thậm chí còn lưu ý chúng ta rằng: “ngày nay, qua công trình nghiên cứu của các học giả, nhiều người cùng biết danh xưng Hùng Vương xuất hiện sớm nhất trong thư tịch vào thế kỉ III qua sách *Nam Việt chí*. Thư tịch Việt Nam nhắc đến Hùng Vương sớm nhất là *Việt điện u linh* (1329) trong truyện Tản Viên, tuy dẫn theo *Giao Châu kí* của Tăng Côn (thế kỉ IX), nhưng ngay trong truyện này, Hùng Vương, nhân vật vào đời sau ở địa vị tối cao, trong truyện đã làm ông vua “đất rộng, dân đông”, vậy mà chỉ là cái bóng làm nổi bật thần thông của ông thần núi. Trong lần phong thần năm 1285, họ Trần chỉ phong cho Sĩ Nhiếp, Phùng Hưng, Hai Bà Trưng, Triệu Quang Phục, Hậu Lý Nam Đế, Sơn Tinh mà không đa động gì đến Hùng Vương”⁶.

Qua các cứ liệu lịch sử trên đây, có thể thấy, truyền thuyết về Sơn Tinh, hay Tản Viên sơn thánh đã xuất hiện từ lâu đời và ăn sâu vào tâm thức người Việt (thậm chí là Việt - Mường), trong đó, tư liệu thành văn từ cuối thế kỉ thứ IX đã ghi nhận sự thực đó. Trai các triều đại quân chủ Việt Nam, Tản Viên sơn thánh luôn được triều đình và nhân dân sùng phụng; coi là bậc thần đứng đầu trong các thần tối linh của nước Việt, đồng thời, núi Tản Viên được coi là núi tổ, trần sơn, cấm địa của cả nước. Dầu không phải là một dãy núi thật cao, song bởi

tính chất “hữu tiên tắc danh”, “hữu long tắc linh”⁷, Tản Viên không chỉ là non thiêng của xứ Đoài mà còn rũ bóng xuống toàn bộ khu vực Bắc Bộ, thậm chí xa hơn thế⁸. Đối với khu vực Bắc Bộ, việc thờ Tản Viên sơn thánh đã tạo ra một “kiểu” tín ngưỡng bản địa mang màu sắc riêng với nhiều biến thức đa tầng và phức tạp; từ vùng núi Tản Viên, tín ngưỡng đó lan toa ra cả địa bàn khác, tạo nên một không gian thiêng hết sức rộng lớn. □

D.V.A

Chú thích:

1- Ông giữ chức Thủ Đại tạng, Thư hòa chính trưởng, Trung phẩm phụng ngự, Chuyển vận sứ lộ An Tiêm, sống khoảng thời Trần Minh Tông (1314 - 1329) và Trần Hiến Tông (1329 - 1341).

2- Tạ Chí Đại Trường, *Thần, người và đất Việt*, Văn nghệ xuất bản, California, USA, 1989, tr. 39.

3- Nguyễn Văn Hoài, Nguyễn Huệ Chi dịch thơ, theo bản *Việt điện u linh*, ký hiệu A.1919.

4- Nhạc Độc: tức Ngũ nhạc - Năm núi thiêng ở Trung Quốc, gồm: Đông nhạc Thái Sơn, Tây nhạc Hoa Sơn, Nam nhạc Hành Sơn, Bắc nhạc Hằng Sơn, Trung nhạc Tung Sơn - và Tứ độc - Bốn con sông quan trọng ở Trung Quốc, gồm: Trường Giang, Hoàng Hà, Hoài Hà và sông Tế.

5- Lời chua trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* có viết về Lê Quý Đôn rằng: “Lập mưu cho con ăn cắp văn thi ở trong trường: Kỳ đệ tứ khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775), Quý Đôn nhờ Đình (Thì) Trung làm bài cho con mình là Quý Kiệt. Vụ trộm chiếm nơi cấm địa: Quý Đôn táng trộm mã tổ ở cấm địa tại sơn phận Tản Viên. Thời nhà Nguyễn, Tản Viên sơn thánh được lưu vào điển lễ tế tự của quốc gia, đồng thời núi Tản Viên được khắc vào cửa đình.

6- Tạ Chí Đại Trường, sđd, tr. 143.

7- Lưu Vũ Tích thời Đường trong tác phẩm *Lậu thất minh* có viết: “Núi không cần cao, có tiên thì nổi danh; nước không cần sâu, có rồng thì thiêng”.

8- Và không chỉ dừng lại ở đó, tín ngưỡng này còn lan tỏa lên không gian người Mường ở Văn Chấn, Nghĩa Lộ và nhiều miền của xứ Thanh, trong khi người Mường ở đây gần như chưa bao giờ thấy hay đến thăm núi Tản - Ba Vì. Trần Quốc Vượng từng cho rằng, “vị tổ huyền thoại của người Mường - Việt là “Vua Ba Vì” - thánh Đản (Tản) - Sơn Tinh”. Đồng thời, ông cũng cho rằng, tục thờ Tản Viên có từ rất sớm, thậm chí là trước Hùng Vương, còn Hùng Vương, mẫu gốc ban đầu cũng chỉ là thờ sơn thần (xem Trần Quốc Vượng, “Việt Nam: Cái nhìn địa - văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H. 1998, tr. 72, 78).

* *Lời Tòạ soạn*: Có ý kiến khác cho rằng, một thành phần chính của tộc Việt - Mường là Đản (Malayo) từ biển vào - nên có thể việc Tản Viên và Quý Minh “ngược dòng lên non” đã như phản ánh sự kiện lịch sử này.